

Bản án số: 51/2019/HS-PT
Ngày: 12-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương;
Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 44/2019/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo Hồ Trọng N. Do có kháng cáo của bị cáo Hồ Trọng N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 394/2018/HS-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo kháng cáo: Hồ Trọng N, sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Số nhà A, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hồ Văn H, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1961; bị cáo có vợ là Ngô Thị Bích N, sinh năm 1990 và có 01 người con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Trong vụ án còn có 01 bị hại, 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Trọng N làm nghề tài xế taxi, do làm ăn thua lỗ nợ tiền của nhiều người dẫn đến không có khả năng trả nợ. Để có tiền trả nợ, N nảy sinh ý định đi thuê xe mô tô của người khác mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ.

Vào ngày 19/7/2017 tại số nhà B, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; Hồ Trọng N làm hợp đồng thuê xe mô tô SH 150i, biển số 61G1-537.76 của ông Nguyễn Tuấn T để sử dụng đi công việc, thời hạn thuê 10 ngày, phí thuê 1.000.000 đồng/ngày. Khi làm xong hợp đồng, ông T giao xe và giấy đăng ký xe bản chính cho N. Sau khi thuê được xe, N đem xe đến tiệm cầm đồ H do ông Hồ Hoàng P làm chủ để cầm cố với giá 60.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 01 tháng. N đã sử dụng và trả nợ hết số tiền 60.000.000 đồng. Ngày 29/7/2017 đến hạn trả xe, ông T gọi điện cho N thì được biết xe đã bị đem đi cầm cố, N không có khả năng thanh toán tiền cầm cố nên không thể đem xe về trả theo hợp đồng và không trả được tiền phí thuê xe. Đến ngày 19/8/2017, đến hạn chuộc xe tại tiệm cầm đồ H, N cũng không có khả năng thanh toán và không chuộc được xe về để trả cho ông T. Ngày 05/12/2017, ông Nguyễn Tuấn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của N. Đến ngày 06/12/2017, Hồ Trọng N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng trong vụ án gồm: 01 (một) xe mô tô SH 150i, biển số 61G1-537.76, màu đen và 60.000.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 353/BB.ĐG ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá thị xã D, kết luận: 01 (một) xe mô tô SH 150i, biển số 61G1-537.76, màu đen trị giá 85.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 394/2018/HS-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hồ Trọng N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hồ Trọng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/01/2018, bị cáo Hồ Trọng N làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Hồ Trọng N là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ có ông nội tên Hồ Văn S là liệt sĩ. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Hồ Trọng N nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Hồ Trọng N được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Trọng N đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Do làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ nên bị cáo N nảy sinh ý định đi thuê xe mô tô của người khác mang đi cầm cố để lấy tiền trả nợ. Để thực hiện ý định nêu trên, vào ngày 19/7/2017 bị cáo N thuê xe mô tô SH 150i, biển số 61G1-537.76 của ông Nguyễn Tuấn T đem đi cầm cố và không trả lại xe cho ông T. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 85.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo N thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo N: Dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo N biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo bất chấp hậu quả, cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Bị cáo N có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hồ Trọng N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Trọng N. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ông nội tên Hồ Văn S là liệt sĩ. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo N phải nộp do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Trọng N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 394/2018/HS-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Hồ Trọng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Hồ Trọng N phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND TX D; | 2 |
| - VKSND TX D; | 1 |
| - Chi cục THADS TX D; | 1 |
| - Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Công an TX D; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu: HSVA, Tòa HS. | 2 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Bùi Ngọc Thạch

